

128. KINH TÙY PHIÊN NÃO (*Upakkilesa Sutta*)¹

236. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Kosambī (Kiều-thường-di), tại tinh xá Ghosita (Cù-su-la). Lúc bấy giờ, các Tỷ-kheo ở Kosambī sống cạnh tranh, luận tranh, đấu tranh nhau, đả thương nhau bằng những binh khí miệng lưỡi.² Rồi một Tỷ-kheo đến chỗ Thế Tôn ở, sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, các Tỷ-kheo ở Kosambī sống cạnh tranh, luận tranh, đấu tranh nhau, đả thương nhau bằng những binh khí miệng lưỡi. Tôi lạnh thay, bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn vì lòng từ mẫn đến các Tỷ-kheo ấy.

Thế Tôn im lặng nhận lời. Rồi Thế Tôn đi đến các Tỷ-kheo ấy, sau khi đến, liền nói với họ:

– Thôi vừa rồi, các Tỷ-kheo! Chớ có cạnh tranh, luận tranh, phân tranh, đấu tranh nhau.

Khi nghe nói vậy, một Tỷ-kheo bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn, bậc Pháp Chủ, hãy dừng lại! Bạch Thế Tôn, Thế Tôn chớ có nhọc lòng! Thế Tôn hãy an trú, chú tâm vào hiện tại lạc trú! Vì rằng, chúng con chịu trách nhiệm về sự cạnh tranh, luận tranh, phân tranh, đấu tranh này.

Lần thứ hai, Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo ấy:

– Thôi vừa rồi, này các Tỷ-kheo! Chớ có cạnh tranh, luận tranh, phân tranh, đấu tranh nhau.

Lần thứ hai, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn, bậc Pháp Chủ, hãy dừng lại! Bạch Thế Tôn, Thế Tôn chớ có nhọc lòng! Thế Tôn hãy an trú, chú tâm vào hiện tại lạc trú! Vì rằng, chúng con chịu trách nhiệm về sự cạnh tranh, luận tranh, phân tranh, đấu tranh này.

¹ Xem *M. I.* 205; *Dh.* 1, 90; *Ud.* 61; *Sn.* 6; *Thag.* 275, 494; *J.* III. 211, 428, 488; *Vin.* I. 337. Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Trường Thọ Vương bốn khởi kinh* 長壽王本起經 (*T.01.* 0026.72. 0532c09). Tham chiếu: *Tăng. Tăng.* (T.02. 0125.24.8. 0626b11); *Pháp cú kinh, Song yếu phẩm* 法句經雙要品 (*T.04.* 0210.9. 0562a11); *Xuất diệu kinh, Phân nô phạm* 出曜經忿怒品 (*T.04.* 0212.15. 0693b19); *Pháp tập yếu tụng kinh, Oán gia phạm* 法集要頌經怨家品 (*T.04.* 0213.14. 0784a14).

² Đoạn đầu giống như *M.* 48, *Kosambiya Sutta* (*Kinh Kosambiya*).

Lần thứ ba, Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo ấy:

– Thôi vừa rồi, này các Tỷ-kheo! Chớ có cạnh tranh, luận tranh, phân tranh, đấu tranh nhau.

Lần thứ ba, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn, bậc Pháp Chủ, hãy dừng lại! Bạch Thế Tôn, Thế Tôn chớ có nhọc lòng! Thế Tôn hãy an trú, chú tâm vào hiện tại lạc trú! Vì rằng, chúng con chịu trách nhiệm về sự cạnh tranh, luận tranh, phân tranh, đấu tranh này.

Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm y bát và đi vào Kosambī để khát thực. Sau khi đi khát thực ở Kosambī, ăn xong và trở về, sau khi dọn dẹp chỗ nằm, lấy y bát, Ngài đứng và nói bài kệ này:

237. Giữa quần chúng la ó,
Không ai nghĩ mình ngu,
Giữa Tăng chúng phân ly,
Có ai nghĩ hướng thượng?
Thất niệm kẻ trí nói,
Ba hoa trăm thứ chuyện,
Miệng há, nói thả dàn,
Dẫn đi đâu, ai biết?
“Nó mắng tôi, đánh tôi!
Nó hại tôi, cướp tôi!”
Ai ôm oán niệm ấy,
Hận thù không thể nguôi.
“Nó mắng tôi, đánh tôi!
Nó hại tôi, cướp tôi!”
Không ôm oán niệm ấy,
Hận thù sẽ tự nguôi.
Hận thù diệt hận thù,
Không đời nào diệt được,
Tù bị diệt hận thù,
Là định luật ngàn thu.
“Người khác không hiểu biết,
Ở đây ta bị diệt”,
Những ai hiểu điều này,
Nhờ vậy, tranh luận tiêu.
Kẻ chủ xướng hại mạng,
Cướp bò, ngựa, tài sản,
Kẻ cướp đoạt quốc độ,
Họ còn biết đoàn kết,
Sao các ông không vậy?

Nếu được bạn hiền trí,
 Đồng hành, khéo an trú,
 Đã thắng mọi hiểm nạn,
 Sống hoan hỷ chánh niệm.
 Nếu không bạn hiền trí,
 Như vua bỏ quốc độ,
 Cô độc như voi rừng.
 Tốt hơn, sống một mình,
 Không bè bạn kẻ ngu,
 Cô độc không làm ác,
 Nhàn hạ, như voi rừng.

238. Rồi Thế Tôn đứng, nói lên những câu kệ này, rồi đi đến làng Bālakaloṇakāra. Khi ấy, Tôn giả Bhagu sống ở trong làng Bālakaloṇakāra. Tôn giả Bhagu thấy Thế Tôn từ xa đi đến, liền sắp đặt chỗ ngồi và nước rửa chân. Thế Tôn ngồi trên chỗ ngồi đã soạn sẵn, sau khi ngồi, Ngài rửa chân. Tôn giả Bhagu đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Bhagu đang ngồi một bên:

– Nay Tỳ-kheo, có được an lành không? Có được sống yên vui không? Đi khát thực có mệt nhọc không?

– Bạch Thế Tôn, con được an lành. Bạch Thế Tôn, con sống yên vui. Bạch Thế Tôn, con đi khát thực không có mệt nhọc.

Rồi Thế Tôn sau khi với thời thuyết pháp khích lệ Tôn giả Bhagu, làm cho hân hoan, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến Pācīnavamsadāya. Lúc bấy giờ, Tôn giả Anuruddha (A-na-luật-đà), Tôn giả Nandiya (Nan-đê) và Tôn giả Kimbila (Kim-tỳ-la) trú ở Pācīnavamsadāya. Người giữ vườn thấy Thế Tôn từ xa đi đến, khi thấy vậy, liền bạch Thế Tôn:

– Nay Sa-môn, chớ có vào khu vườn này. Có ba thiện gia nam tử rất ái luyến tự ngã (*attakāmarūpā*) trú tại đây. Chớ có phiền nhiễu các vị ấy.

Tôn giả Anuruddha nghe người giữ khu vườn nói chuyện với Thế Tôn, liền nói với người giữ vườn:

– Nay người giữ vườn, chớ có ngăn chặn Thế Tôn! Thế Tôn, bậc Đạo sư của chúng tôi đã đến.

239. Rồi Tôn giả Anuruddha đi đến Tôn giả Nandiya và Tôn giả Kimbila và nói:

– Chư Tôn giả hãy đến! Chư Tôn giả hãy đến! Thế Tôn, bậc Đạo sư của chúng ta đã đến.

Rồi Tôn giả Anuruddha, Tôn giả Nandiya và Tôn giả Kimbila ra đón Thế Tôn; một người cầm y bát Thế Tôn, một người sửa soạn chỗ ngồi, một người

đặt sẵn nước rửa chân. Thế Tôn ngồi trên chỗ ngồi đã soạn sẵn, sau khi ngồi, Thế Tôn rửa chân. Rồi các Tôn giả ấy đánh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả Anuruddha đang ngồi xuống một bên:

– Này Anuruddhā,³ các ông có được an lành không? Có được sống yên vui không? Đi khát thực có mệt nhọc không?

– Bạch Thế Tôn, chúng con được an lành. Bạch Thế Tôn, chúng con sống yên vui. Bạch Thế Tôn, chúng con đi khát thực không có mệt nhọc.

– Này Anuruddhā, các ông có sống hòa hợp, hoan hỷ với nhau, không có cãi nhau, như nước với sữa, sống nhìn nhau với cặp mắt thiện cảm không?⁴

– Bạch Thế Tôn, thật sự chúng con sống hòa hợp, hoan hỷ với nhau, không có cãi nhau, như nước với sữa, sống nhìn nhau với cặp mắt thiện cảm.

– Này Anuruddhā, như thế nào các ông sống hòa hợp, hoan hỷ với nhau, như nước với sữa, sống nhìn nhau với cặp mắt thiện cảm?

– Bạch Thế Tôn, ở đây, con nghĩ như sau: “Thật lợi ích thay cho ta! Thật khéo lợi ích thay cho ta, khi ta được sống với các đồng Phạm hạnh như vậy!” Bạch Thế Tôn, do vậy, đối với các vị đồng Phạm hạnh này, con khởi lên từ thân nghiệp, trước mặt và sau lưng; con khởi lên từ khẩu nghiệp, trước mặt và sau lưng; con khởi lên từ ý nghiệp, trước mặt và sau lưng. Bạch Thế Tôn, do vậy, con nghĩ như sau: “Ta hãy từ bỏ tâm của ta và sống thuận theo tâm của những Tôn giả này.” Và bạch Thế Tôn, con từ bỏ tâm của con và sống thuận theo tâm của những Tôn giả ấy. Bạch Thế Tôn, chúng con tuy khác thân nhưng giống như đồng một tâm.

Rồi Tôn giả Nandīya... (như trên). Rồi Tôn giả Kimbila bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, ở đây, con nghĩ như sau: “Thật lợi ích thay cho ta! Thật khéo lợi ích thay cho ta, khi ta được sống với các vị đồng Phạm hạnh như vậy!” Bạch Thế Tôn, do vậy, đối với các vị đồng Phạm hạnh này, con khởi lên từ thân nghiệp, trước mặt và sau lưng; con khởi lên từ khẩu nghiệp, trước mặt và sau lưng; con khởi lên từ ý nghiệp, trước mặt và sau lưng. Bạch Thế Tôn, do vậy, con nghĩ như sau: “Ta hãy từ bỏ tâm của ta và sống thuận theo tâm của những Tôn giả này.” Và bạch Thế Tôn, con từ bỏ tâm của con và sống thuận theo tâm của những Tôn giả ấy. Bạch Thế Tôn, chúng con tuy khác thân nhưng giống như đồng một tâm. Bạch Thế Tôn, như vậy chúng con sống hòa hợp, hoan hỷ với nhau, như nước với sữa, sống nhìn nhau với cặp mắt thiện cảm.

240. – Lành thay, lành thay, này Anuruddhā! Và này Anuruddhā, các ông có sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần không?

– Bạch Thế Tôn, thật sự chúng con sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

³ Anuruddhā (số nhiều) chỉ cho cả ba vị Tôn giả.

⁴ Trong *Vin.* I. 352, bắt đầu từ đây trở đi có sai khác.

– Này Anuruddhā, như thế nào, các ông sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần?

– Ở đây, bạch Thế Tôn, chúng con, ai đi vào làng khát thực về trước, người ấy sắp đặt các chỗ ngồi, soạn sẵn nước uống, nước rửa chân, soạn sẵn một bát để bỏ đồ dư. Ai đi vào làng khát thực về sau, người ấy, còn đồ ăn để lại, nếu muốn thì ăn, nếu không muốn thì bỏ vào chỗ không có cỏ xanh hay đổ vào nước không có loài côn trùng. Người ấy xếp dọn lại các chỗ ngồi, cất đi nước uống, nước rửa chân, cất đi cái bát để bỏ đồ dư và quét sạch nhà ăn. Ai thấy ghe nước uống, ghe nước rửa chân hay ghe nước trong nhà cầu hết nước trống không, người ấy sẽ lo liệu [nước]. Nếu làm không nổi với sức bàn tay của mình, người ấy dùng tay ra hiệu gọi người thứ hai: “Chúng ta hãy lo liệu [nước].” Dầu vậy, bạch Thế Tôn, chúng con không vì vậy gây ra tiếng động. Và đến ngày thứ năm, bạch Thế Tôn, suốt cả một đêm chúng con ngồi đàm luận về đạo pháp. Như vậy, bạch Thế Tôn, chúng con sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

241. – Lành thay, lành thay, này Anuruddhā! Này Anuruddhā, các ông sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần như vậy, các ông có chứng được pháp Thượng nhân, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh, sống thoải mái an lạc không?⁵

– Ở đây, bạch Thế Tôn, chúng con sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần như vậy, chúng con nhận thấy được hào quang, cũng như sự hiện khởi các sắc pháp. Nhưng hào quang ấy không bao lâu biến mất cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Chúng con không được hiểu rõ tướng ấy là gì.

– Này Anuruddhā, tướng ấy các ông cần phải hiểu rõ. Ta cũng vậy, này Anuruddhā, trước khi giác ngộ, chưa chứng Chánh đẳng giác, còn là Bò-tát, Ta nhận thấy hào quang và sự hiện khởi các sắc pháp. Nhưng hào quang ấy không bao lâu biến mất nơi Ta cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Này Anuruddhā, Ta suy nghĩ như sau: “Do nhân gì, do duyên gì hào quang biến mất đối với Ta, cùng với sự hiện khởi các sắc pháp?” Này Anuruddhā, Ta suy nghĩ như sau: “Nghĩ hoặc khởi lên nơi Ta. Vì có nghĩ hoặc nên định của Ta bị biến diệt;⁶ khi định biến diệt, hào quang biến mất cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Vậy Ta sẽ phải làm thế nào để nghĩ hoặc không khởi lên nơi Ta nữa?”

Rồi này Anuruddhā, Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, nhận thấy được hào quang cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Nhưng hào quang ấy không bao lâu biến mất nơi Ta cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Rồi này Anuruddhā, Ta suy nghĩ như sau: “Do nhân gì, do duyên gì, hào quang biến mất

⁵ Trong *M. I. 207*, bắt đầu từ đây có sai khác.

⁶ Theo *MA. IV. 207*, trạng thái này chỉ cho *parikkamasamādhī*, cận định. Chữ *cavi* có nghĩa là biến mất, là hình thức trung tính của *cavati*, một động từ thường dùng có nghĩa là đã qua, sự chết, sự tái sinh trong hình thức khác. Tuy nhiên, trường hợp trên rõ ràng không sử dụng theo nghĩa đặc biệt này.

nơi Ta cùng với sự hiện khởi của các sắc pháp?” Rồi này Anuruddhā, Ta suy nghĩ như sau: “Không tác ý khởi lên nơi Ta. Vì không có tác ý nên định bị biến diệt nơi Ta; khi định bị biến diệt, hào quang biến mất cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Vậy Ta phải làm như thế nào để nghi hoặc và không tác ý không khởi lên nơi Ta nữa?”

Rồi này Anuruddhā, Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, nhận thấy được hào quang cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Nhưng hào quang ấy không bao lâu biến mất nơi Ta cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Rồi này Anuruddhā, Ta suy nghĩ như sau: “Do nhân gì, do duyên gì, hào quang biến mất nơi Ta cùng với sự hiện khởi của các sắc pháp?” Rồi này Anuruddhā, Ta suy nghĩ như sau: “Hôn trầm thụy miên khởi lên nơi Ta. Vì có hôn trầm thụy miên nên định của Ta bị biến diệt; khi định bị biến diệt, hào quang biến mất cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Vậy Ta phải làm như thế nào để nghi hoặc, không tác ý và hôn trầm thụy miên không khởi lên nơi Ta nữa?”

Rồi này Anuruddhā, Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, nhận thấy được hào quang cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Nhưng hào quang ấy không bao lâu biến mất nơi Ta cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Rồi này Anuruddhā, Ta suy nghĩ như sau: “Do nhân gì, do duyên gì, hào quang biến mất nơi Ta cùng với sự hiện khởi của các sắc pháp?” Rồi này Anuruddhā, Ta suy nghĩ như sau: “Sợ hãi khởi lên nơi Ta. Vì có sợ hãi nên định bị biến diệt nơi Ta; khi định bị biến diệt, hào quang biến mất cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Ví như, này Anuruddhā, một người đang đi trên con đường, có kẻ giết người nhẩy đến [công kích] từ hai phía. Do nhân duyên từ hai phía, người ấy khởi lên sợ hãi. Cũng vậy, này Anuruddhā, sợ hãi khởi lên nơi Ta. Vì có sợ hãi nên định bị biến diệt nơi Ta; khi định bị biến diệt, hào quang biến mất cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Vậy Ta phải làm thế nào để nghi hoặc, không tác ý, hôn trầm thụy miên và sợ hãi không khởi lên nơi Ta nữa?”

Rồi này Anuruddhā, Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, nhận thấy được hào quang cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Nhưng hào quang ấy không bao lâu biến mất nơi Ta cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Rồi này Anuruddhā, Ta suy nghĩ như sau: “Do nhân gì, do duyên gì, hào quang biến mất nơi Ta cùng với sự hiện khởi của các sắc pháp?” Rồi này Anuruddhā, Ta suy nghĩ như sau: “Sự phẩn chấn⁷ khởi lên nơi Ta. Vì có sự phẩn chấn nên định bị biến diệt nơi Ta; khi định bị biến diệt, hào quang biến mất cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. [Ví như, này Anuruddhā, một người đi tìm cửa miệng một kho tàng, và trong một lần tìm được năm cửa miệng kho tàng,⁸ do nhân duyên này phẩn chấn khởi lên. Cũng vậy, này Anuruddhā, sự phẩn chấn khởi lên nơi Ta. Vì có sự phẩn chấn nên định bị biến diệt nơi Ta; khi định bị biến diệt, hào

⁷ *Ubbilla*: Có nghĩa là phẩn chấn, hân hoan, đồng dực. Thuật ngữ này dường như chỉ xuất hiện trong kinh điển Pāli, như trường hợp *ubbillāvitatta* trong *M. I. 140* và một vài chỗ khác.

⁸ *M. I. 352*.

quang biến mất cùng với sự hiện khởi các sắc pháp]. Vậy Ta phải làm thế nào để nghỉ hoặc, không tác ý, hôn trầm thụy miên, sợ hãi và sự phẩn chấn không khởi lên nơi Ta nữa?”

Rồi này Anuruddhā, Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, nhận thấy được hào quang cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Nhưng hào quang ấy không bao lâu biến mất nơi Ta cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Rồi này Anuruddhā, Ta suy nghĩ như sau: “Do nhân gì, do duyên gì, hào quang biến mất nơi Ta cùng với sự hiện khởi của các sắc pháp?” Rồi này Anuruddhā, Ta suy nghĩ như sau: “Dâm ý (*duṭṭhullam*) khởi lên nơi Ta. Vì có dâm ý nên định bị biến diệt nơi Ta; khi định bị biến diệt, hào quang biến mất cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Vậy Ta phải làm thế nào để nghỉ hoặc, không tác ý, hôn trầm thụy miên, sợ hãi, phẩn chấn và dâm ý không khởi lên nơi Ta nữa?”

Rồi này Anuruddhā, Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, nhận thấy được hào quang cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Nhưng hào quang ấy không bao lâu biến mất nơi Ta cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Rồi này Anuruddhā, Ta suy nghĩ như sau: “Do nhân gì, do duyên gì, hào quang biến mất nơi Ta cùng với sự hiện khởi của các sắc pháp?” Rồi này Anuruddhā, Ta suy nghĩ như sau: “Sự tinh cần quá độ khởi lên nơi Ta, và vì có tinh cần quá độ nên định biến diệt nơi Ta; khi định bị biến diệt, hào quang biến mất cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. [Ví như, này Anuruddhā, một người với hai tay bắt nắm quá chặt một con chim cáy (*quail*) khiến con chim chết liền tại chỗ. Cũng vậy, này Anuruddhā, tinh cần quá độ khởi lên nơi Ta. Vì có tinh cần quá độ nên định bị biến diệt nơi Ta; khi định bị biến diệt, hào quang biến mất cùng với sự hiện khởi các sắc pháp]. Vậy Ta phải làm thế nào để nghỉ hoặc, không tác ý, hôn trầm thụy miên, sợ hãi, phẩn chấn, dâm ý và tinh cần quá độ không khởi lên nơi Ta nữa?”

Rồi này Anuruddhā, Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, nhận thấy được hào quang cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Nhưng hào quang ấy không bao lâu biến mất nơi Ta cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Rồi này Anuruddhā, Ta suy nghĩ như sau: “Do nhân gì, do duyên gì, hào quang biến mất nơi Ta cùng với sự hiện khởi của các sắc pháp?” Rồi này Anuruddhā, Ta suy nghĩ như sau: “Tinh cần quá yếu đuối khởi lên nơi Ta. Vì có tinh cần quá yếu đuối nên định biến diệt nơi Ta; khi định biến diệt, hào quang biến mất cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. [Ví như, này Anuruddhā, một người bắt một con chim cáy quá lỏng lẻo, con chim ấy bay khỏi hai tay của người ấy. Cũng vậy, này Anuruddhā, tinh cần quá yếu đuối khởi lên nơi Ta. Vì có tinh cần quá yếu đuối nên định biến diệt nơi Ta; khi định biến diệt, hào quang biến mất cùng với sự hiện khởi các sắc pháp]. Vậy Ta phải làm thế nào để nghỉ hoặc, không tác ý, hôn trầm thụy miên, sợ hãi, phẩn chấn, dâm ý, tinh cần quá độ và tinh cần quá yếu đuối không khởi lên nơi Ta nữa?”

Rồi này Anuruddhā, Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, nhận thấy được hào quang cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Nhưng hào quang ấy không bao lâu biến mất nơi Ta cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Rồi này Anuruddhā, Ta suy nghĩ như sau: “Do nhân gì, do duyên gì, hào quang biến mất nơi Ta cùng với sự hiện khởi của các sắc pháp?” Rồi này Anuruddhā, Ta suy nghĩ như sau: “Ái dục⁹ khởi lên nơi Ta. Vì có ái dục nên định biến diệt nơi Ta; khi định biến diệt, hào quang biến mất cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Vậy Ta phải làm thế nào để nghi hoặc, không tác ý, hôn trầm thụy miên, sợ hãi, phân chấn, dâm ý, tinh cần quá độ, tinh cần quá yếu đuối và ái dục không khởi lên nơi Ta nữa?”

Rồi này Anuruddhā, Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, nhận thấy được hào quang cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Nhưng hào quang ấy không bao lâu biến mất nơi Ta cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Rồi này Anuruddhā, Ta suy nghĩ như sau: “Do nhân gì, do duyên gì, hào quang biến mất nơi Ta cùng với sự hiện khởi của các sắc pháp?” Rồi này Anuruddhā, Ta nghĩ như sau: “Sai biệt tướng khởi lên nơi Ta. Vì có sai biệt tướng nên định bị biến diệt nơi Ta; khi định bị biến diệt, hào quang biến mất cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Vậy Ta phải làm thế nào để nghi hoặc, không tác ý, hôn trầm thụy miên, sợ hãi, phân chấn, dâm ý, tinh cần quá độ, tinh cần quá yếu đuối, ái dục và sai biệt tướng không khởi lên nơi Ta nữa?”

Rồi này Anuruddhā, Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, và Ta nhận thấy được hào quang cùng với sự hiện khởi sắc pháp. Nhưng hào quang ấy không bao lâu biến mất nơi Ta cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Rồi này Anuruddhā, Ta suy nghĩ như sau: “Do nhân gì, do duyên gì, hào quang biến mất nơi Ta cùng với sự hiện khởi các sắc pháp?” Rồi này Anuruddhā, Ta suy nghĩ như sau: “Một trạng thái quá chú tâm vào các sắc pháp khởi lên nơi Ta, vì có một trạng thái quá chú tâm vào các sắc pháp nên định bị biến diệt nơi Ta; khi định bị biến diệt, hào quang biến mất cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Vậy Ta phải làm như thế nào để nghi hoặc, không tác ý, hôn trầm thụy miên, sợ hãi, phân chấn, dâm ý, tinh cần quá độ, tinh cần quá yếu đuối, ái dục, các tướng sai biệt và trạng thái quá chú tâm vào các sắc pháp không khởi lên nơi Ta nữa?”

242. Rồi này Anuruddhā, sau khi biết được nghi hoặc là một phiền não của tâm, Ta đoạn trừ nghi hoặc phiền não của tâm; sau khi biết được không tác ý là một phiền não của tâm, Ta đoạn trừ không tác ý phiền não của tâm; sau khi biết được hôn trầm thụy miên...; sau khi biết được sợ hãi...; sau khi biết được phân chấn...; sau khi biết được dâm ý...; sau khi biết được sự tinh cần quá độ...; sau khi biết được sự tinh cần quá yếu đuối...; sau khi biết được dục ái...; sau khi biết được tướng sai biệt...; sau khi biết được trạng thái quá chú tâm vào các sắc

⁹ *Abhijappā* được MA. IV. 208 giải thích là *taṇhā*.

pháp là một phiền não của tâm, Ta đoạn trừ trạng thái quá chú tâm vào các sắc pháp, một phiền não của tâm.

243. Rồi này Anuruddhā, Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, nhận thấy được hào quang nhưng Ta không thấy các sắc pháp, cả đêm, cả ngày, cả đêm và cả ngày. Ta thấy các sắc pháp nhưng không nhận thấy hào quang. Về vấn đề này, này Anuruddhā, Ta suy nghĩ như sau: “Do nhân gì, do duyên gì, Ta chỉ nhận thấy hào quang nhưng không thấy các sắc pháp, cả đêm, cả ngày, cả đêm và cả ngày? Ta chỉ thấy các sắc pháp nhưng không nhận thấy hào quang. Về vấn đề này, này Anuruddhā, Ta suy nghĩ như sau: “Trong khi Ta không tác ý sắc tướng, nhưng có tác ý hào quang tướng, trong khi ấy ta nhận thấy hào quang, [nhưng] không thấy các sắc pháp. Còn trong khi Ta không tác ý hào quang tướng, [nhưng] tác ý sắc tướng, trong khi ấy Ta thấy các sắc pháp, [nhưng] không nhận thấy hào quang, cả đêm, cả ngày, cả đêm và cả ngày.”

Rồi này Anuruddhā, Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, nhận thấy hào quang có hạn lượng và thấy được các sắc pháp có hạn lượng; nhận thấy hào quang vô lượng và nhận thấy được các sắc pháp vô lượng, cả đêm, cả ngày, cả đêm và cả ngày. Về vấn đề này, này Anuruddhā, Ta suy nghĩ như sau: “Do nhân gì, do duyên gì, Ta nhận thấy hào quang có hạn lượng và thấy các sắc pháp có hạn lượng; nhận thấy hào quang vô lượng và thấy được các sắc pháp vô lượng, cả đêm, cả ngày, cả đêm và cả ngày?” Về vấn đề này, này Anuruddhā, Ta suy nghĩ như sau: “Khi nào định có hạn lượng, khi ấy mắt của Ta có hạn lượng; với con mắt có hạn lượng ấy, Ta nhận thấy hào quang có hạn lượng và thấy sắc pháp có hạn lượng. Nhưng khi nào định của Ta không hạn lượng, trong khi ấy mắt của Ta thành vô lượng, và với con mắt vô lượng ấy, Ta nhận thấy hào quang vô lượng và thấy các sắc pháp vô lượng, cả đêm, cả ngày, cả đêm và cả ngày.”

244. Này Anuruddhā, khi nào biết được nghi hoặc là một phiền não của tâm, thời nghi hoặc phiền não của tâm được đoạn trừ; khi nào biết được không tác ý là một phiền não của tâm, thời không tác ý phiền não của tâm được đoạn trừ; khi nào biết được hôn trầm thụy miên... khi nào biết được sợ hãi... khi nào biết được phẫn chấn... khi nào biết được dâm ý... khi nào biết được sự tinh cần quá độ... khi nào biết được sự tinh cần quá yếu đuối... khi nào biết được dục ái... khi nào biết được tướng sai biệt... khi nào biết được trạng thái quá chú tâm vào các sắc pháp là một phiền não của tâm, thời trạng thái quá chú tâm vào các sắc pháp là một phiền não của tâm được đoạn trừ.

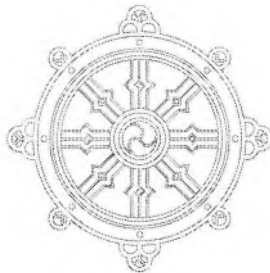
245. Rồi này Anuruddhā, Ta suy nghĩ như sau: “Những phiền não tâm của Ta đã được đoạn trừ. Nay Ta tu tập ba loại định.” Rồi này Anuruddhā, Ta tu tập định có tâm có tứ; Ta tu tập định không có tâm, chỉ có tứ; Ta tu tập định không tâm, không tứ; Ta tu tập định có hỷ;¹⁰ Ta tu tập định không có hỷ;¹¹ Ta tu tập

¹⁰ *Sappītika*, chỉ cho Thiền thứ hai và Thiền thứ ba. Xem *MA*. IV. 209.

¹¹ Định Thiền thứ ba, Thiền thứ tư. Xem *MA*. IV. 209.

định câu hữu với lạc;¹² Ta tu tập định câu hữu với xả.¹³ Nay Anuruddhā, khi nào Ta tu tập định có tâm có tứ; khi nào Ta tu tập định không tâm, chỉ có tứ; khi nào Ta tu tập định không có tâm, không có tứ; khi nào Ta tu tập định có hỷ; khi nào Ta tu tập định không có hỷ; khi nào Ta tu tập định câu hữu với lạc; khi nào Ta tu tập định câu hữu với xả, thời tri kiến khởi lên nơi Ta: “Giải thoát của Ta là bất động, đây là đời sống cuối cùng của Ta, nay không còn hiện hữu.”

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, Tôn giả Anuruddha hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.



¹² *Sāta*, chỉ cho Thiền thứ ba và Thiền thứ tư. Xem *MA*. IV. 209.

¹³ *Upekkhā*: Chỉ cho Thiền thứ tư hay Thiền thứ năm theo phân loại 4 thiền và 5 thiền. Xem *MA*. IV. 209.